

Bản án số: 196/2022/HC-PT

Ngày 03 tháng 8 năm 2022

Về “Khiếu kiện quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Lê Tụ, ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 78/2022/TLPT-HC ngày 20/4/2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2250/2022/QĐ-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Hà Thị H, sinh năm 1935; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H là anh Huỳnh Kim T, sinh năm 1965; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố K là ông Phan Ngọc Đ (Phó Chủ tịch UBND thành phố K) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hà Văn P, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Phan Thị H, sinh năm 1943; cùng địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, đều vắng mặt.

3.2. Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3.3. Anh Châu Chấn N, sinh năm 1961; địa chỉ: Australia.

Người đại diện theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 14/02/2022 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Pört, Ô-Xtrây-Li-a và Hợp thức tại Việt Nam tại Văn phòng công chứng Quách Cao Y, thành phố K ngày 01/3/2022 của anh Châu Chấn N và Hợp đồng ủy quyền lập ngày 01/3/2022 tại trụ sở UBND phường Q, thành phố K của anh Hà Văn Đ và chị Nguyễn Thị Phương T là ông Đào Thế K; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

3.4. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kon Tum; địa chỉ: TP. Kon Tum, vắng.

3.5. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn P:

- + Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.
- + Chị Hà Thị T; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.
- + Chị Hà Thị H; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.
- + Anh Hà Văn T; địa chỉ: phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.
- + Anh Hà Văn Đ; địa chỉ: phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.
- + Chị Hà Thị V; địa chỉ: Australia, vắng mặt.
- + Chị Hà Thị T; địa chỉ: USA, vắng mặt.
- + Chị Hà Thị N; địa chỉ: Canada, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Hà Thị H trình bày:

Bà Hà Thị H và ông Hà Văn P là hai chị em ruột. Tháng 12/1981 bà H và ông P hùn tiền mua chung căn nhà số 14 L (Nay là số 69 H) để vợ chồng ông P buôn bán; tuy nhiên, năm 1989 ông Hà Văn P tự ý làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất trên và Sở xây dựng tỉnh Gia Lai-Kon Tum cấp cho ông P, bà H *Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất* số 1537 ngày 30/3/1989.

Từ khi hùn tiền mua nhà năm 1981 đến trước ngày 29/3/2017 (ngày hòa giải tại UBND phường Q) thì bà H không biết việc vợ chồng ông P được Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai-Kon Tum *Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất*, cũng như không biết việc vợ chồng ông P đã tặng cho nhà đất cho vợ chồng con trai là Hà Văn Đ và anh Đ chuyển nhượng nhà đất lại cho anh Châu Chấn N. Do đó, bà H khởi kiện vụ án dân sự và tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2014/DS-PT ngày 13/8/2019, Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng đã buộc vợ chồng ông P trả bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất là 1.950.000.000 đồng và nhận định trường hợp bà H có căn cứ chứng minh vợ chồng ông P tặng cho, chuyển quyền sử dụng đất cho người khác nhằm tẩu tán tài sản thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự hoặc vụ án hành chính khác.

Nay bà H cho rằng có căn cứ xác định vợ chồng ông P, bà H tặng cho nhà đất cho con trai là anh Hà Văn Đ nhằm tẩu tán tài sản, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà H nên bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: - Hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri BD 891973 (số vào sổ cấp GCN là CH00454) do UBND thành phố K cấp ngày 11/5/2011 cho anh Hà Văn Đ; - Hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri BH 49835 (số vào sổ cấp GCN là CH0066) do UBND thành phố K cấp ngày 03/4/2012 cho anh Châu Chấn N.

- Người bị kiện là UBND thành phố K trình bày:

Năm 1981, bà Hà Thị H và ông Hà Văn P có hùn tiền mua chung nhà đất tại 14 L, tổ dân phố 8, khu phố 2 (số cũ) nay là số 69 H, tổ dân phố 4, phường Q, thành phố K của vợ chồng ông Đặng L và bà Nguyễn Thị C, diện tích đất 96m², diện tích xây dựng nhà 64m² theo *Giấy hùn tiền* đề ngày 15/12/1981.

Cũng trong ngày 15/12/1981 vợ chồng ông L, bà C viết *Giấy bán đoạn nhà* cho vợ chồng ông Hà Văn P lô đất diện tích 96m² với giá 30.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ngày 09/5/1989 vợ chồng ông Hà Văn P được Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai - Kon Tum cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất* số 1537/CNSH. Ngày 06/10/2006, vợ chồng ông P tặng cho lô đất cho con ruột là anh Hà Văn Đ và ngày 11/5/2011 anh Hà Văn Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri BĐ 891973 (số vào sổ CH00454). Ngày 15/02/2012 vợ chồng anh Hà Văn Đ chuyển nhượng lô đất cho anh Châu Chấn N và ngày 03/4/2012 anh N được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri BH49835 (số vào sổ CH0066). UBND thành phố K cho rằng việc vợ chồng ông Hà Văn P tặng cho lô đất cho con trai, việc con trai ông Hà Văn P chuyển nhượng lô đất cho anh Châu Chấn N đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên việc UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai ông Hà Văn P, cho anh Châu Chấn N là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp bà Hà Thị H có chứng cứ chứng minh diện tích đất nói trên do bà H và ông Hà Văn P mua chung thì đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Hà Văn Đ và chị Nguyễn Thị Phương T* đã được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án, nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng, không tham gia và không gửi ý kiến trình bày đến Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Châu Chấn N trình bày:* Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã buộc vợ chồng ông Hà Văn P trả bà Hà Thị H ½ giá trị nhà đất tại số 69 đường H, đồng thời nhận định việc bà H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố K cấp cho anh Hà Văn Đ, anh Châu Chấn N đối với nhà đất vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng thời yêu cầu bà H bồi thường công sức và thời gian cho Anh vì phải chi phí đi lại tham gia tố tụng do bà H khởi kiện vô lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Q trình bày:* Ủy ban nhân dân phường Q căn cứ hồ sơ tặng cho và mua bán tham mưu cho UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho anh Hà Văn Đ và anh Châu Chấn N là đúng quy định của pháp luật.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 21/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; điểm b, khoản 2 Điều 193, Điều 204; Điều 206; khoản 3 Điều 303; Điều 304; Điều 305; Điều 307, Điều 348, Điều 354, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 121,122,123,125,129,132,138, 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 49, 50 Luật Đất đai năm 2003 và điểm d khoản 2 Điều 41 Nghị định 181/2004/NĐ-CP/ ngày 29/10/2004 của Chính Phủ.

Căn cứ Điều 12, Điều 16 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 10/10/2009 của Chính phủ Căn cứ Điều 12; Điều 30, khoản 1, 2 Điều 32, Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề ngày 09/01/2020 của bà Hà Thị H:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 891973 (số vào sổ CH00454) do UBND thành phố K cấp ngày 11/5/2011 tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 14, diện tích 72.57m² đường H, phường Q, thành phố K mang tên anh Hà Văn Đ.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH49835 (số vào sổ CH0066) do UBND thành phố K cấp ngày 03/4/2012 tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 14, diện tích 72.57m² đường H, phường Q, thành phố K mang tên anh Châu Chấn N.

2. Về chi phí tố tụng và án phí: Anh Huỳnh Kim T tự nguyện nộp tiền chi phí Ủy thác tư pháp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ. Trả lại cho bà Hà Thị H số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo biên lai đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002279 ngày 19/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân thành phố K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hành chính sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/01/2022), các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Chấn N và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn P cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Châu Chấn N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính khi đã hết thời hiệu khởi kiện; quyền và lợi ích của bà H (1/2 giá trị nhà đất) đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Ngày 11/02/2022, anh Hà Văn Đ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính khi đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Châu Chấn N và anh Hà Văn Đ (do người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) giữ nguyên kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính khi đã hết thời hiệu khởi kiện quyền và quyền lợi của bà H (1/2 giá trị nhà đất) đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và đến nay các con của ông Hà Văn P đã thi hành trả đủ bà H 1/2 giá trị nhà đất 69 H (chỉ còn khoản tiền lãi trong quá trình thi hành án do Cục Thi hành án chưa tính cụ thể, khi nào Cục Thi hành án tính ra con số cụ thể các con ông P sẽ nộp).

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia

phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ hai lần những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng Người khởi kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, một số người khác vắng mặt; do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

+ Về nội dung: Có dấu hiệu của việc vợ chồng ông Hà Văn P tẩu tán tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 15/12/1981 bà Hà Thị H và ông Hà Văn P góp tiền mua chung nhà đất tại số 14 L (nay là 69 H) của vợ chồng ông Đặng L, bà Nguyễn Thị C, mỗi người góp $\frac{1}{2}$, có viết Giấy hùn tiền ngày 15/12/1981; do ông P chưa có nơi ở và buôn bán nên bà H đồng ý để vợ chồng ông L, bà C viết *Giấy bán đoạn nhà* ngày 15/12/1981 cho mình ông Hà Văn P. Ngày 30/3/1989, vợ chồng ông Hà Văn P được Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai - Kon Tum cấp *Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất* số 1537 đối với nhà đất 14 L. Ngày 06/10/2006 vợ chồng ông Hà Văn P ký Hợp đồng tặng cho nhà đất cho vợ chồng con trai là Hà Văn Đ và Nguyễn Thị Phương T với điều kiện chỉ được sử dụng không được bán và ngày 11/5/2011 UBND thành phố K cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho vợ chồng anh Đ, chị T. Năm 2012 vợ chồng anh Đ, chị T được sự đồng ý của ông P ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho anh Châu Chấn N và ngày 03/4/2012 anh N được UBND thành phố K cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành BH 49835.

[2] Đầu năm 2017 bà H yêu cầu ông P chia giá trị nhà đất mua chung nên nảy sinh tranh chấp và ngày 29/3/2017, Ủy ban nhân dân phường Q tổ chức hòa giải thì bà H nêu yêu cầu ông P trả $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, nhưng hai bên không hòa giải được với nhau. Ngày 31/3/2017, bà H khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum yêu cầu vợ chồng ông P trả $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất tại 69 H theo giá thị trường (không yêu cầu Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố K đã cấp cho vợ chồng anh Hà Văn Đ và anh Châu Chấn N). Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (bản án có hiệu lực pháp luật) buộc vợ chồng ông Hà Văn P trả bà Hà Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất tại số 69 H là 1.950.000.000 đồng (bút lục 64).

[3] Ngày 11/12/2019, bà Hà Thị H khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum hủy các *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* mà UBND thành phố K đã cấp cho vợ chồng anh Đ, chị T và anh N.

Xét thấy:

[4] Tại ***Biên bản hòa giải*** do Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức ngày 13/8/2020 (bút lục 317) đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày: “*Tại buổi hòa giải ngày 29/3/2017 ông P trình bày đã bán nhà đất nói trên thì bà H mới biết, sau đó tiếp tục kiện tranh chấp quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và nay đã có bản án có hiệu lực pháp luật...Lý do thời điểm năm 2017 không khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do không hiểu biết pháp luật*”. Xét, ngày 29/3/2017 bà H đã biết nhà đất mà bà H và ông P góp tiền mua chung tại 14 L (nay là 69 H) đã được UBND thành phố K cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho vợ chồng anh Hà Văn Đ ngày 11/5/2011, cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho anh Châu Chấn N ngày 03/4/2012, nhưng bà H chỉ khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu ông P trả ½ giá trị nhà đất mua chung, không yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhà đất và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu của bà H đã được Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (bản án có hiệu lực pháp luật) chấp nhận. Do đó, đến ngày 11/12/2019 bà H lại tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* này là hết thời hiệu khởi kiện (1 năm) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính nên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H hủy các *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* nêu trên là không đúng pháp luật. Do Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định đến giai đoạn phúc thẩm bà H mới bổ sung thêm yêu cầu đề nghị hủy các *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* do UBND thành phố K cấp cho anh Hà Văn Đ, anh Châu Chấn N là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, “*Trường hợp bà H có căn cứ cho rằng việc chuyển quyền sử dụng nhà đất từ ông P bà H cho người khác nhằm mục đích tẩu tán tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự hoặc vụ án hành chính khác*”, dẫn đến cấp sơ thẩm nhầm lẫn khi xét xử vụ án hành chính khi đã hết thời hiệu khởi kiện (lẽ ra, Bản án phúc thẩm số 126/2019/DS-PT phải nhận định bà H có quyền khởi kiện vụ án dân sự hoặc vụ án hành chính khác theo quy định của pháp luật, nếu còn thời hiệu khởi kiện mới đúng) nên cấp sơ thẩm không có lỗi Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm này và đình chỉ giải quyết vụ án.

[5] Kết quả thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2019/DS-PT ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (bản án có hiệu lực pháp luật) theo các Thông báo số 91/TB-THADS ngày 16/3/2022, Thông báo số 164/TB-THADS ngày 22/6/2022, Thông báo số 180/TB-THADS ngày 13/7/2022 và Thông

báo số 192/TB-THADS ngày 22/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum thì phía bị đơn là vợ chồng ông Hà Văn P đã trả bà Hà Thị H đủ số tiền 1.950.000.000 đồng (chỉ còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự do Cục Thi hành án tỉnh Kon Tum sẽ tính và ra Quyết định thi hành án sau này).

[6] Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh Châu Chấn N và anh Hà Văn Đ để hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nên hoàn trả anh N, anh Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp; bà Hà Thị H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng; Ủy ban nhân dân thành phố K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241, điểm a khoản 1 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Ủy ban nhân dân thành phố K không phải chịu.
- Anh Huỳnh Kim T tự nguyện nộp tiền chi phí Ủy thác tư pháp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ. Bà Hà Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số 0002279 ngày 19/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Anh Hà Văn Đ không phải chịu nên hoàn trả anh Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0000011 ngày 15/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

- Anh Châu Chấn N không phải chịu nên hoàn trả anh N (giao cho bà Nguyễn Thị Đỗ Uyên – người nộp thay anh N hoặc anh Hà Văn Đ nhận thay) số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0000013 ngày 09/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân